TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TX THÀNH PHỐ** **HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:27/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày* 13*tháng*01 *năm* 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số636/2019/TLST/HNGĐ ngày03tháng12năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: ***Bà DTT***; Sinh năm 1978; giấy chứng minh nhân dân số 013325144 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 12.6.2010; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P308-C3, phường TXB, quận TX, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: ***Ông NTH***, sinh năm 1978; giấy chứng minh nhân dân số 011918589 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 07.01.2010; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P308-C3, phường TXB, quận TX, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày03tháng01năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày03 tháng01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và

hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: ***Bà DTT***; Sinh năm 1978; giấy chứng minh nhân dân số 013325144 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 12.6.2010; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P308-C3, phường TXB, quận TX, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: ***Ông NTH***, sinh năm 1978; giấy chứng minh nhân dân số 011918589 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 07.01.2010; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P308-C3, phường TXB, quận TX, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà DTTvà ông NTHthuận tình ly hôn.

2.2. Về giao nuôi con:Bà DTT và ông NTH có có 02 con chung là NPT, sinh ngày 02.8.2004 và NHN, sinh ngày 24.7.2007.

Khi ly hôn, giao bà DTT trực tiếp nuôi dưỡng con chung NPT, sinh ngày 02.8.2004, ông NTH trực tiếp nuôi dưỡng con chungNHN, sinh ngày 24.7.2007.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Hai bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở.

2.3. Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Bà DTT và ông NTHkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà DTT chịu toàn bộ án phí ly hôn, án phí giao nuôi con bao gồm cả phần của ông NTHphải chịu, tổng án phí của vụ án là 150.000 đồng,được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0006548ngày 13.12.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- UBND nơi đăngký kết hôn;

- *Lưu hồ sơ vụ án.*

PHƯƠNG THẢO

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).